

**TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG
MOBIFONE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /MOBIFONE - KHCL

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

V/v công bố thông tin kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và thực hiện các nhiệm vụ công ích và trách nhiệm xã hội năm 2022 theo Nghị định 47/2021/NĐ-CP

Kính gửi: Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp

Căn cứ Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020, trong đó quy định công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước;

Tổng công ty Viễn thông MobiFone (MobiFone) đã thực hiện báo cáo và đăng tải các thông tin kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và thực hiện các nhiệm vụ công ích và trách nhiệm xã hội năm 2022 trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp, Công thông tin doanh nghiệp đúng thời hạn. MobiFone kính gửi quý Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại Doanh nghiệp thông tin công bố như văn bản kèm theo.

Trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐTV (đề b/c);
- TGD (đề b/c);
- KSV TCT;
- PTGD – Bùi Sơn Nam;
- Lưu: VT, KHCL.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Bùi Sơn Nam

Phụ lục I
BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT
KINH DOANH NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Văn bản số / / ngày / /2023)

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
MOBIFONE
MST: 0100686209
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

Năm 2022, là một năm khó khăn và thách thức đối với MobiFone đến từ cả nguyên nhân khách quan và chủ quan. Về khách quan, năm 2022 tình hình kinh tế - chính trị thế giới có nhiều bất ổn, ảnh hưởng tới thị trường trong nước, gián tiếp ảnh hưởng tới mức tiêu dùng của khách hàng MobiFone. Trong bối cảnh kinh tế khó khăn do tình hình kinh tế - xã hội bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19, chiến tranh Nga – Ukraina, giá dầu, nguyên vật liệu biến động, chính sách “Zero Covid” của Trung Quốc ảnh hưởng tới khan hiếm chip để sản xuất sim viễn thông, lượng khách du lịch quốc tế vào Việt Nam thấp hơn so với kỳ vọng... Việc thay đổi phương thức hoạch toán doanh thu đã gián tiếp tạo áp lực lớn đến việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 của MobiFone

Tuy nhiên, trong bối cảnh khó khăn về nền kinh tế chung và việc thay đổi chính sách ghi nhận doanh thu, MobiFone đã nỗ lực hết sức, triển khai phát triển cơ sở hạ tầng, các dịch vụ, công nghệ mới, nhằm phục vụ khách hàng tốt hơn. Các chỉ tiêu về kết quả SXKD năm 2022 của MobiFone cụ thể như sau:

BẢNG SỐ 1: MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA TỔNG CÔNG TY

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch (Công ty mẹ)	Giá trị thực hiện (Công ty mẹ)	Giá trị thực hiện của cả tổ hợp công ty mẹ - công ty con (nếu có) (*)
1	Sản phẩm chủ yếu				
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	31.366	28.848	30.160
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	4.310	3.183	3.234
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	3.448	1.852	1.885
5	Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước	Tỷ đồng		-4.322	-4.451
6	Kim ngạch xuất nhập khẩu (Nếu có)	Tỷ đồng			
7	Sản phẩm dịch vụ công ích (nếu có)				

8	Tổng số lao động bình quân (Không bao gồm người quản lý)	Người	4.382	(**)	
9	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	2.014	(**)	
a)	Quỹ lương quản lý	Tỷ đồng	7,22	(**)	
b)	Quỹ lương lao động	Tỷ đồng	2.006	(**)	

Lưu ý:

(*) Công ty mẹ là doanh nghiệp nhà nước cung cấp thông tin các chỉ tiêu hợp nhất của mô hình công ty mẹ - công ty con.

(**) Số liệu về quỹ tiền lương, thù lao của người quản lý và quỹ tiền lương của người lao động thực hiện năm 2022 chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN.**1. Tình hình triển khai dự án đầu tư.**

Năm 2022, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước đã phê duyệt chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư cho Tổng công ty Viễn thông MobiFone tối đa không quá 6.941 tỷ đồng.

Sau khi kế hoạch đầu tư năm 2022 được ban hành, MobiFone đã tập trung nguồn lực để quyết tâm hoàn thành kế hoạch đầu tư, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Năng lực mạng lưới và dịch vụ viễn thông của MobiFone được đầu tư, xây dựng và phát triển theo hướng hiện đại hoá về công nghệ, phạm vi phục vụ, chất lượng mạng lưới và dịch vụ ngày càng được nâng cao, nhiều dịch vụ mới được cung cấp đã đáp ứng được nhu cầu thông tin ngày càng tăng cao của khách hàng, phục vụ phát triển kinh tế xã hội và công tác an ninh quốc phòng, theo kịp xu thế hội nhập, cạnh tranh trong khu vực và trên thế giới.

Công tác đầu tư xây dựng của MobiFone đã thực hiện nghiêm túc các quy định của Nhà nước. Các dự án đầu tư xây dựng được phê duyệt đều nằm trong quy hoạch và kế hoạch phát triển mạng lưới viễn thông, công nghệ thông tin của MobiFone, thủ tục đầu tư của các dự án được phê duyệt đúng cấp, đúng quy trình đầu tư.

Trong điều kiện có nhiều hạn chế về nguồn lực, nhiều vướng mắc khách quan trong triển khai cơ sở hạ tầng, nhưng năm 2022, Tổng công ty đã đạt được những kết quả tương đối khả quan như hoàn thành lắp đặt và phát sóng khoảng 3.500 trạm 4G, hoàn thành triển khai MIMO 4x4 cho 8.822 trạm 4G NSN, Huawei dung lượng cao phục vụ sản xuất kinh doanh.

Tính đến 31/12/2022, MobiFone đã thực hiện giải ngân vốn đầu tư trong kỳ đạt khoảng 5.103 tỷ đồng, bằng 73,52% chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư Ủy ban Quản lý vốn nhà nước phê duyệt cho MobiFone năm 2022. Trong đó, giải ngân cho các dự án nhóm B là 1.826 tỷ đồng và giải ngân cho các dự án nhóm C là 3.277 tỷ đồng. Cụ thể tình hình thực hiện đầu tư chi tiết tại Bảng số 2 theo Phụ lục đính kèm.

2. Các khoản đầu tư tài chính. Năm 2022, MobiFone không thực hiện đầu tư thêm tài chính.

III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON.

Năm 2022, MobiFone không đầu tư thêm vào công ty con, công ty liên kết hay đầu tư

dài hạn khác. Tình hình đầu tư vào công ty con tính đến 31/12/2022, cụ thể như sau:

BẢNG SỐ 3: TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI CÁC CÔNG TY CON DO CÔNG TY MẸ NĂM CỔ PHẦN CHI PHỐI

TT	Tên doanh nghiệp	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tổng vốn đầu tư của công ty mẹ (tỷ đồng)	Tổng tài sản (tỷ đồng)	Doanh thu (tỷ đồng)	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	Lợi nhuận nộp về công ty mẹ	Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước (tỷ đồng)	Tổng nợ phải trả (tỷ đồng)
1	Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ: Không									
2	Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ trên 50% vốn điều lệ									
2.1	Công ty CP Dịch vụ gia tăng MobiFone	106,0	102,0	302,4	998,0	15,4	12,3	15,3	57,9	150,9
2.2	Công ty CP Công nghệ MobiFone toàn cầu	146,1	101,4	470,2	972,1	42,0	34,2	17,2	20,9	245,1
2.3	Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật MobiFone(*)	70,6	22,1	281,2	419,2	27,0	21,5	5,5	32,3	92,8

Ghi chú: (*) MobiFone nắm quyền chi phối các vấn đề trọng yếu.

Phụ lục I.1

BẢNG SỐ 2: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ CỦA TỔNG CÔNG TY

TT	Tên dự án	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	Vốn vay (tỷ đồng)	Vốn khác (tỷ đồng)	Tổng GTTH đến hết 2022 (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện dự án
A	Các dự án nhóm A: không có						
	không có						
B	Các dự án nhóm B	16.102,9	15.716,1	386,8	0,0	9.421,8	
1	Trang bị hệ thống quản lý mạng thông tin di động (NMS) mạng Mobifone VMS	259,6	259,6	0,0	0	185,3	2010-2017
2	Trang bị thiết bị metro cho các tỉnh Đông Bắc Bộ	101,0	92,6	8,4	0	96,3	2017-2018
3	Trang bị thiết bị metro cho các tỉnh Đông Nam Bộ	235,1	235,1	0,0	0	201,3	2016-2017
4	Mở rộng và Nâng cấp mạng lõi phục vụ LTE	249,9	206,6	43,3	0	250,5	2016-2017
5	Trang bị thiết bị vô tuyến 4G LTE cho các thành phố khu vực miền Bắc mạng MobiFone	771,6	689,4	82,2	0	421,1	2016-2017
6	Trang bị thiết bị vô tuyến 4G LTE cho khu vực Tp HCM và các thành phố khu vực miền Nam mạng MobiFone	998,4	886,1	112,3	0	540,1	2016-2017

TT	Tên dự án	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	Vốn vay (tỷ đồng)	Vốn khác (tỷ đồng)	Tổng GTTH đến hết 2022 (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện dự án
7	Trang bị thiết bị vô tuyến 4G LTE cho các thành phố khu vực miền Trung mạng MobiFone	253,5	231,3	22,2	0	130,1	2016-2017
8	Trang bị hệ thống OCS/Billing	326,6	326,6	0,0	0	149,0	2018-2019
9	Mở rộng năng lực hệ thống PS Core 2017	350,0	350,0	0,0	0	286,1	2017-2019
10	Tăng cường chất lượng phủ sóng vô tuyến các tỉnh miền Bắc	836,7	836,7	0,0	0	794,7	2017-2018
11	Tăng cường chất lượng phủ sóng vô tuyến khu vực Tây Nam Bộ	948,3	948,3	0,0	0	762,1	2017-2018
12	Trang bị thiết bị truyền dẫn Viba cho trung tâm mạng lưới miền Nam năm 2017	170,0	170,0	0,0	0	143,3	2017-2018
13	Trang bị thiết bị truyền dẫn nội tỉnh cho các tỉnh miền Nam năm 2017	169,0	169,0	0,0	0	153,9	2018-2020
14	Mở rộng và Nâng cấp hệ thống Tối ưu dữ liệu data trên mạng Mobifone	199,9	199,9	0,0	0	189,0	2018-2020
15	Mở rộng và tăng cường chất lượng phủ sóng vô tuyến khu vực miền Trung năm 2018	596,9	596,9	0,0	0	539,0	2019-2019

TT	Tên dự án	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	Vốn vay (tỷ đồng)	Vốn khác (tỷ đồng)	Tổng GTTH đến hết 2022 (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện dự án
16	Mở rộng và tăng cường chất lượng phủ sóng vô tuyến khu vực Đông Nam Bộ năm 2018	449,6	449,6	0,0	0	400,7	2019-2020
17	Trang bị thiết bị viba tăng cường năng lực mạng hiện hữu và phục vụ kết nối truyền dẫn phát triển mạng mới năm 2018	155,7	155,7	0,0	0	123,1	2018-2019
18	Nâng cấp hệ thống BigData năm 2020	85,0	85,0	0,0	0	23,5	2020-2023
19	Trang bị hệ thống IMS trên mạng Mobifone	199,9	199,9	0,0	0	95,8	2019-2021
20	Tăng cường chất lượng phủ sóng vô tuyến các tỉnh miền Bắc mạng MobiFone năm 2019	789,7	789,7	0,0	0	709,7	2019-2020
21	Trang bị thiết bị metro cho các tỉnh miền Bắc năm 2020	174,6	174,6	0,0	0	134,1	2020-2021
22	Nâng cấp và Mở rộng năng lực hệ thống PS Core 2020	180,0	180,0	0,0	0	104,4	2020-2021
23	Nâng cấp hệ thống HLR tập trung	151,2	151,2	0,0	0	0,0	2021-2024
24	Mở rộng vùng phủ sóng vô tuyến khu vực miền Bắc mạng MobiFone năm 2020	557,0	557,0	0,0	0	405,7	2020-2021

TT	Tên dự án	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	Vốn vay (tỷ đồng)	Vốn khác (tỷ đồng)	Tổng GTTH đến hết 2022 (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện dự án
25	Mở rộng vùng phủ sóng vô tuyến khu vực miền Trung mạng MobiFone năm 2020	325,3	325,3	0,0	0	241,4	2020-2021
26	Tăng cường chất lượng phủ sóng mạng vô tuyến MobiFone năm 2020	1.045,3	978,0	67,3	0	867,8	2020-2021
27	Mở rộng hệ thống PS core mạng MobiFone	202,7	202,7	0,0	0	10,0	2021-2023
28	Trang bị hệ thống DWDM Nam Bộ 2	156,6	156,6	0,0	0	0,0	2021-2023
29	Tăng cường chất lượng phủ sóng 4G mạng MobiFone năm 2021	252,7	201,6	51,1	0	223,9	2021-2022
30	Trang bị hệ thống Hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP) cho MobiFone (Phase 2)	77,9	77,9	0,0	0	7,3	2021-2024
31	Hệ thống quản lý CDR file và đầu nối dịch vụ	85,0	85,0	0,0	0	54,4	2018-2020
32	Trang bị PE router mới phục vụ tăng trưởng lưu lượng mạng data	125,0	125,0	0,0	0	12,2	2022-2023
33	Nâng cấp hệ thống Backup tập trung	58,2	58,2	0,0	0	37,5	2020-2021
34	Nâng cấp dung lượng Firewall Gi tại site HCM	78,4	78,4	0,0	0	72,5	2020-2021

TT	Tên dự án	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	Vốn vay (tỷ đồng)	Vốn khác (tỷ đồng)	Tổng GTTH đến hết 2022 (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện dự án
35	Đầu tư Tòa nhà điều hành viễn thông MobiFone Đà Nẵng	293,6	293,6	0,0	0	238,7	2015-2018
36	Chuyển nhượng quyền sử dụng đất và công trình trên đất hình thành trong tương lai - Trung tâm Kỹ thuật Khai thác MobiFone Node 3 - Thành phố Hồ Chí Minh	186,2	186,2	0,0	0	123,6	2013-2017
37	Đầu tư Tòa nhà điều hành viễn thông MobiFone Việt Trì - Phú Thọ	139,9	139,9	0,0	0	129,7	2015-2019
38	Đầu tư Tòa nhà điều hành viễn thông MobiFone Đồng Nai	294,5	294,5	0,0	0	239,5	2016-2021
39	Đầu tư xây dựng tòa nhà điều hành viễn thông MobiFone Vĩnh Long	69,2	69,2	0,0	0	1,5	2021-2024
40	Đầu tư xây dựng Trung tâm điều hành viễn thông MobiFone Phú Yên	71,8	71,8	0,0	0	9,5	2021-2024
41	Mở rộng vùng phủ sóng khu vực miền Trung mạng MobiFone năm 2022	536,2	536,2	0,0	0	0,0	2022-2023
42	Mở rộng vùng phủ sóng khu vực miền Nam mạng MobiFone năm 2022	1.167,6	1.167,6	0,0	0	0,0	2022-2023

TT	Tên dự án	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	Vốn vay (tỷ đồng)	Vốn khác (tỷ đồng)	Tổng GTTH đến hết 2022 (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện dự án
43	Trang bị mạng DWDM Express liên vùng	559,4	559,4	0,0	0	0,0	2022-2024
44	Trang bị bổ sung tài nguyên cho hệ thống Private Cloud năm 2022	164,5	164,5	0,0	0	0,0	2022-2024
45	Triển khai MIMO RAN 4x4 cho các trạm RAN 4G	343,5	343,5	0,0	0	313,6	2022-2023
46	Mở rộng vùng phủ sóng khu vực miền Bắc mạng MobiFone năm 2022	380,5	380,5	0,0	0	0,0	2022-2023
47	Trang bị máy phát điện cố định cho trạm BTS các tỉnh thuộc Trung tâm Mạng lưới MobiFone Miền Trung năm 2022	110,7	110,7	0,0	0	0,0	2022-2023
48	Trang bị máy phát điện cố định cho trạm BTS các tỉnh thuộc Trung tâm Mạng lưới MobiFone Miền Nam năm 2022	168,9	168,9	0,0	0	0,0	2022-2023

* **Ghi chú:** Các dự án số 18,23,27,28,30,32,39-48 đang triển khai thực hiện dự án, các dự án còn lại đã hoàn thành đưa vào sử dụng/đang quyết toán/bảo hành

Phụ lục II

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH VÀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI (NEUF CỐ) NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Văn bản số / / ngày / /2023)

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
MOBIFONE Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MST: 0100686209

I. MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH

Năm 2022, MobiFone đã triển khai hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích, cụ thể như sau:

- Thiết lập đường truyền dẫn cáp quang kết nối từ đất liền đến trung tâm hành chính của các huyện đảo trên cơ sở hạ tầng cáp quang của EVN từ đảo Dương Tơ – Phú Quốc với giá trị 1,67 tỷ đồng.
- Thiết lập đường truyền dẫn viba số để cung cấp dịch vụ băng rộng cho các huyện đảo Bạch Long Vĩ, đảo Phú quý với giá trị 195,6 triệu đồng.
- Cung cấp dịch vụ viễn thông gọi đến số khẩn cấp với sản lượng 1.579.984 phút gọi tương ứng 426,6 triệu đồng.

II. TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI CỦA TỔNG CÔNG TY

1. Trách nhiệm bảo vệ môi trường: Trong hoạt động đầu tư, kinh doanh năm 2022, MobiFone luôn chấp hành và đảm bảo thực hiện đúng các quy định, tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường.

2. Trách nhiệm đóng góp cho cộng đồng xã hội: Phát huy truyền thống, trách nhiệm các hoạt động an sinh xã hội thiết thực thường xuyên được tổ chức và truyền thông rộng khắp. Các chương trình không chỉ xây dựng thương hiệu MobiFone là doanh nghiệp có trách nhiệm với cộng đồng mà còn tạo dựng môi trường tốt đẹp với chính quyền địa phương.

Với tinh thần tương thân, tương ái, lá lành đùm lá rách, MobiFone đã tích cực triển khai công tác an sinh xã hội với nhiều hoạt động thiết thực:

Triển khai các hoạt động hỗ trợ tuyên truyền phòng, chống dịch Covid-19 (nhắn tin, âm báo, miễn cước gọi vào đầu số 1022 của các tỉnh/thành phố) khoảng 129.237,5 triệu đồng;

Hoàn thành trao tặng 4.081 máy tính bảng kèm tài khoản học tập trực tuyến trên nền tảng MobiEdu thuộc cho học sinh nghèo trên các địa bàn TP. Cần Thơ, tỉnh Đồng Tháp, tỉnh Bến Tre trong Chương trình “Sóng và máy tính cho em” do Thủ tướng Chính phủ phát động;

Ủng hộ Chương trình Tết vì người nghèo tại tỉnh Nghệ An với số tiền 200 triệu đồng;

Ủng hộ nhà ở xã hội ở huyện Củ Chi TP. HCM (200 căn nhà) tương đương 6 tỷ đồng;

Ủng hộ Quỹ vì người nghèo tại tỉnh Bình Định với số tiền 500 triệu đồng;

Ủng hộ Quỹ vì người nghèo Trung ương: 500 triệu đồng;

Tặng nhà và học bổng cho các gia đình khó khăn, học sinh nghèo tại Vĩnh Long tương đương 500 triệu đồng;

Hỗ trợ triển khai chuyển đổi số tại Tây Ninh tương đương 500 triệu đồng;

Hỗ trợ triển khai giải pháp truyền thanh thông minh tại tỉnh Bình Thuận tương đương 470,28 triệu đồng.

Đoàn Thanh niên MobiFone tổ chức ra quân Chiến dịch “MobiFone những giọt máu hồng” lần thứ VII, tích cực tham gia hiến máu tình nguyện đặc biệt là trong giai đoạn khan hiếm máu do đại dịch Covid-19.

Đặc biệt đối với đại dịch Covid – 19, trong năm 2022 MobiFone đã triển khai nhiều giải pháp, chương trình hỗ trợ các vùng dịch, đồng hành với chính phủ và các địa phương tham gia công tác phòng chống dịch bệnh. Tổng giá trị các chương trình hỗ trợ bằng sản phẩm dịch vụ của MobiFone năm 2022 là 2.231 tỷ đồng. Trong đó:

- Các đóng góp phòng chống dịch bệnh: 211 tỷ đồng, trong đó ủng hộ quỹ vắc xin 196,7 tỷ đồng

- Hỗ trợ tuyên truyền công tác phòng chống dịch (bằng thoại, sms, gọi ra tuyên truyền, miễn cước gọi vào đầu số 1022 của các tỉnh, thành phố, hỗ trợ nhân sự cho tổng đài 1022...): 1.354 tỷ đồng;

- Tham gia các chương trình do Ủy ban quản lý vốn nhà nước, Bộ Thông tin và truyền thông phát động: Chương trình sóng và máy tính cho em....

Ngoài ra, MobiFone đã đồng hành với các Cơ quan Nhà nước trong việc triển khai các hoạt động liên quan đến bầu cử (nhắn tin, âm báo bầu cử...): 233 tỷ đồng, mở rộng vùng phủ sóng di động tại các địa phương đang giãn cách theo chỉ thị 16 phục vụ công tác giảng dạy và học tập trực tuyến: 2,9 tỷ đồng...

3. Trách nhiệm với nhà cung cấp: Công tác đầu tư, đấu thầu của MobiFone đã thực hiện nghiêm túc các quy định của Nhà nước có liên quan, đảm bảo minh bạch, cạnh tranh trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu; Phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho nhà thầu trong quá trình triển khai thực hiện các hợp đồng cung cấp dịch vụ/hàng hóa cho MobiFone.

4. Trách nhiệm bảo đảm lợi ích và an toàn cho người tiêu dùng: MobiFone luôn đặt lợi ích của khách hàng làm mục tiêu số 1 trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Trong cam kết với khách hàng, mỗi người lao động đều tuân thủ những quy định, chuẩn mực, văn hóa của MobiFone để mang đến chất lượng sản phẩm, dịch vụ tốt nhất cho khách hàng.

5. Trách nhiệm đảm bảo lợi ích cho cổ đông và người lao động trong doanh nghiệp:

5.1. Trách nhiệm với cổ đông: Tổng công ty Viễn thông MobiFone là công ty TNHH một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ nên không thuộc đối tượng công bố thông tin nội dung này.

5.2. Trách nhiệm với người lao động:

- MobiFone chấp hành tốt các quy định hiện hành nhằm bảo vệ các lợi ích hợp pháp của người lao động như đóng các loại bảo hiểm bắt buộc, các chế độ phúc lợi cho người lao động.

- Bên cạnh đó, MobiFone còn áp dụng các chế độ, chính sách khuyến khích động viên người lao động phù hợp với quy định nhà nước và thỏa ước lao động tập thể như: Đào tạo, tập huấn, khen thưởng, phúc lợi.... Những chính sách này trong năm 2022 đã thực sự phát huy hiệu quả, góp phần thúc đẩy nỗ lực và đóng góp của người lao động trong hoàn thành mục tiêu chung của MobiFone.